

Bản án số: 2272/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02/12/2021
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tiến Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1091/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 5145/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Công T, sinh năm 1986

Thường trú: A, ấp B, xã C, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Thu S, sinh năm 1986

Thường trú: Ấp A, xã B, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam.

Tạm trú: A đường B, khu phố C, phường D, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của nguyên đơn ông Phan Công T trình bày các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà S tiến tới hôn nhân vào năm 2014 và tự nguyện đăng ký kết, có tổ chức kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ sau khi người con Phan Công Phúc, sinh 16/11/2016 mất vào ngày 13/5/2018 nên dẫn đến bà S trách ông, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gổ, bà S có mâu thuẫn với gia đình nhà nhà chồng. Đến năm 2018, bà S tự ý dẫn người con tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 xuống Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, bản thân ông tiếp tục ở lại Bình Phước. Do vợ bỏ đi nhiều năm không trở về, bản thân đã nhiều lần xuống thành phố khuyên nhủ nhưng không được, sau này ông cũng có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Nay ông xác định tình cảm không còn nên vẫn giữ yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 và Phan Công Phúc, sinh 16/11/2016 (đã mất năm 2018). Đối với người con tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015, ông T đồng ý giao con cho bà S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Ông xác định không có.

* Theo đơn bản tự khai và lời trình bày trong quá trình tố tụng của bị đơn bà Lê Thị Thu S như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc tiến tới hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng đúng như ông T trình bày; Đối với gia đình chồng chỉ có trách bà tự ý đưa con đi, việc bà đưa con đi do buồn chuyện cha mẹ không cho thờ cúng đưa nhỏ. Từ khi xuống Thành phố Hồ Chí Minh ông T thời gian đầu có xuống khuyên nhủ nhưng sức khỏe bà yếu không làm nông nghiệp được nên bà không đồng ý, sau này ông T không xuống nữa. Bản thân bà cũng phát hiện ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và đã tổ chức đám cưới. Nay bà xác định vẫn còn tình cảm với chồng, còn ông T còn tình cảm hay không thì bà không biết. Bản thân bà cũng chưa có giải pháp nào để khắc phục thực tế đời sống vợ chồng xa cách.

- Về con chung: Có 02 người con tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 và Phan Công Phúc, sinh 16/11/2016 (đã mất năm 2018). Đối với người con tên Phan

Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 bà vẫn đang là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Thời gian trước ông T có gửi phụ tiền nuôi con nhưng từ năm 2019 đến nay thì không gửi tiền cho bà. Nếu buộc phải ly hôn thì bà đồng ý trực tiếp nuôi con. Chi phí sinh hoạt, đi học của bé một tháng khoảng 5.000.000 đồng, thu nhập của bà một tháng khoảng 8.000.000 đồng. Bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Công T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn đề nghị ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị Thu S.

* Đại diện Viện kiểm sát thành phố Thủ Đức trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phan Công T khởi kiện yêu cầu “Ly hôn” với bà Lê Thị Thu S, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà S cư trú tại thành phố Thủ Đức, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Phan Công T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 154/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 17/12/2014 được sao lục ngày 07/4/2020 và lời trình bày của các đương sự về quá trình hôn nhân có cơ sở xác định hôn nhân của ông T, bà S là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quá trình chung sống, hai ông bà có phát sinh nhiều mâu thuẫn, mặc dù đã có nhiều cơ hội và thời gian để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hai bên đã có thời gian dài ly thân và không có hướng đoàn tụ, bản thân ông T cũng xác định trong thời gian dài do bà S bỏ nhà đi nên ông đã có tình cảm với người phụ nữ khác, bản thân bị đơn cũng đã biết nhưng cũng không có động thái để bảo vệ hạnh phúc gia đình. Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của ông T về việc xin ly hôn là có căn cứ để chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 99/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã Đại Cường, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 05/5/2015 và Giấy khai sinh số 212 do Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước cấp ngày 23/11/2016 và lời trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định quá trình sống chung của ông bà có 02 người con tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 và Phan Công Phúc, sinh 16/11/2016 (đã mất năm 2018).

Xét yêu cầu của ông T về việc giao con chung cho bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 hiện đang sống ổn định cùng bà S từ năm 2018 cho đến nay, cả ông T và bà S cùng thống nhất giao con chung cho bà S trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng nên được ghi nhận. Xét điều kiện nuôi con của bà S hiện đang làm công nhân với mức thu nhập hạn chế, nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con của ông T là vì sự phát triển và quyền lợi của con chung, mức cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng như ông T đề nghị là hợp lý. Do vậy yêu cầu này cũng được chấp nhận.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1-/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Công T về việc “*Tranh chấp ly hôn*” với bà Lê Thị Thu S.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phan Công T được ly hôn với bà Lê Thị Thu S;

- Về con chung: Giao người con chung tên Phan Tấn Phát, sinh ngày 19/4/2015 cho bà Lê Thị Thu S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Công T về việc cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, việc thực hiện từ tháng 12/2021.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi, theo mức lãi suất

chậm thi hành án quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Không có.

2-/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Công T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai số AA/2019/0058064 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh lập. Ông T còn phải nộp thêm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3-/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Khắc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**